

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 – 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

Số 07, đường Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thiên	Chủ tịch
Ông Dương Hoàng Sơn	Thành viên
Ông Võ Văn Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Vân	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Trí	Thành viên
Ông Lý Thế Anh Tuấn	Thành viên

Tổng Giám đốc

Ông Trần Thế Hưng	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Trần Thế Hưng
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 05 tháng 3 năm 2016



Số: 016 /VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 05 tháng 3 năm 2016, từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2015, khoản đầu tư 200.000 cổ phiếu phổ thông (tương đương 25% vốn điều lệ) của Công ty vào Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước - Môi trường vẫn đang đứng tên bà Dương Anh Thư. Hiện tại, Công ty đang thực hiện thủ tục để chuyển sổ cổ đông cho khoản đầu tư trên sang tên Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong năm Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 31/12/2015.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Nguyễn Đức Tiên
Giám đốc Chi nhánh
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2013-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. HCM, ngày 05 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Ngọc Thạch
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2014-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	01/01/2015	
			31/12/2015	(Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		254.164.189.923	128.911.480.382
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		48.388.873.403	3.847.756.570
1. Tiền	111	5	48.388.873.403	3.847.756.570
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	102.000.000.000	3.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		102.000.000.000	3.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42.457.454.676	85.249.396.549
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.097.764.046	1.334.331.456
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	25.945.025.237	21.797.400
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	5.000.000.000	80.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	9.414.665.393	3.893.267.693
IV. Hàng tồn kho	140		52.901.288.783	160.617.417
1. Hàng tồn kho	141	11	52.901.288.783	160.617.417
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.416.573.061	36.653.709.846
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	58.357.701	44.925.766
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.358.215.360	36.608.784.080
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		606.779.118.404	522.197.489.348
I. Tài sản cố định	220		479.022.295.170	377.816.040.636
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	469.127.785.760	377.764.468.584
- Nguyên giá	222		493.189.854.213	380.158.182.392
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.062.068.453)	(2.393.713.808)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	9.894.509.410	51.572.052
- Nguyên giá	228		10.047.625.730	70.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(153.116.320)	(18.427.948)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		161.611	161.611
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	161.611	161.611
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	125.441.000.000	144.300.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		125.441.000.000	144.300.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.315.661.623	81.287.101
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2.315.661.623	81.287.101
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		860.943.308.327	651.108.969.730

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
				(Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		556.263.408.009	414.939.108.680
I. Nợ ngắn hạn	310		199.405.176.922	124.206.551.971
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		374.507.700	7.457.678.878
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	873.791.497	43.672.520
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	48.407.117.001	33.505.375
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	30.000.000.000	15.763.237.745
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	117.001.000.000	100.000.000.000
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.748.760.724	908.457.453
II. Nợ dài hạn	330		356.858.231.087	290.732.556.709
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	356.858.231.087	290.732.556.709
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		304.679.900.318	236.169.861.050
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	304.679.900.318	236.169.861.050
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.500.000.000	226.282.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.500.000.000	226.282.500.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.988.240.054	1.495.700.786
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.191.660.264	8.391.660.264
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.191.660.264	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		-	8.391.660.264
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		860.943.308.327	651.108.969.730



Trần Thế Hưng
Tổng Giám đốc
Bình Dương, ngày 05 tháng 3 năm 2016

Đinh Thị Thúy Nga
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Bình
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘTSố 07, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi,
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	101.919.224.527	19.295.647.173
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		101.919.224.527	19.295.647.173
4. Giá vốn hàng bán	11	23	37.431.861.170	3.963.172.778
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		64.487.363.357	15.332.474.395
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	5.253.527.920	1.790.936.906
7. Chi phí tài chính	22	26	31.977.932.838	4.006.915.954
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.393.401.963	3.986.915.954
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	2.390.245.220	1.733.433.511
9 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		35.372.713.219	11.383.061.836
10. Thu nhập khác	31		12.162.363	522.214.300
11. Chi phí khác	32		-	522.214.300
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		12.162.363	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		35.384.875.582	11.383.061.836
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		35.384.875.582	11.383.061.836
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.158	782



Trần Thế Hưng
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 05 tháng 3 năm 2016

Đinh Thị Thúy Nga
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Bình
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm	
		2015	2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	35.384.875.582	11.383.061.836
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	21.803.043.017	2.412.141.756
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.084.527.920)	(1.790.936.906)
- Chi phí lãi vay	06	30.393.401.963	3.986.915.954
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	82.496.792.642	15.991.182.640
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(4.608.768.807)	(41.858.180.629)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(52.740.671.366)	(160.617.417)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(22.049.795.321)	(356.016.585.849)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(2.247.806.457)	(126.212.867)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(30.091.557.495)	(3.986.915.954)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.080.753.643)	(587.243.333)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(30.322.560.447)	(386.744.573.409)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(74.904.025.018)	(913.663.636)
2. Tiền chi cho vay	23	(544.000.000.000)	(83.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay	24	520.000.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(72.980.000.000)	(144.300.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	91.670.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.933.527.920	1.790.936.906
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(75.280.497.098)	(226.422.726.730)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	74.217.500.000	226.282.500.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	351.901.674.378	534.818.319.299
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(268.775.000.000)	(144.085.762.590)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.200.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	150.144.174.378	617.015.056.709
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	44.541.116.833	3.847.756.570
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.847.756.570	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60)	70	48.388.873.403	3.847.756.570



Trần Thế Hưng
Tổng Giám đốc
Bình Dương, ngày 05 tháng 3 năm 2016

Đinh Thị Thúy Nga
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Bình
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3702226772 đăng ký lần đầu ngày 07/11/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, thay đổi lần thứ 2 ngày 11/09/2015.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 10 người (tại ngày 31/12/2014 là 8 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư, khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất;
- Đầu tư, quản lý hệ thống thoát nước;
- Xây dựng công trình công ích;
- Thi công xây dựng, sửa chữa hệ thống cấp thoát nước;
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế cấp thoát nước;
- Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế các công trình thủy lợi vừa và nhỏ;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Lập dự toán, dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Bán lẻ và bán buôn vật tư ngành nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Thi công đường dây trung, hạ thế, trạm biến áp, hệ thống chiếu sáng công cộng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Dịch vụ tư vấn về môi trường;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Dịch vụ phân tích, đánh giá chất lượng nước, môi trường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các bên liên quan

Các bên liên quan đến Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty TNHH MTV Cấp thoát Nước Môi trường Bình Dương
Công ty TNHH sản xuất Thương mại Quỳnh Phúc
Công ty Cổ phần Tân Thanh
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Cổ đông
Cổ đông
Có cùng thành viên HĐQT
Thành viên chủ chốt

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015..

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa hàng tồn kho vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2015 (Số năm khấu hao)
Nhà cửa, vật kiến trúc	15-20
Máy móc, thiết bị	10-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08-20
Thiết bị, dụng cụ Quản lý	06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy tính được khấu hao trong thời gian 5 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí lợi thế thương mại vị trí đất và san lấp mặt bằng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông; Vốn bổ sung hàng kỳ từ lợi nhuận của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động, đồng thời Công ty đang trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (miễn thuế trong 4 năm, và giảm 50% trong 05 năm tiếp kể từ khi có thu nhập chịu thuế) theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 28/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ cho dự án thuộc hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường theo Quy định của Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 20/5/2008 của Chính phủ. Thu nhập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 là kỳ miễn thuế thu nhập doanh nghiệp thứ hai của Công ty.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	640.020.051	60.964.001
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	47.748.853.352	3.786.792.569
Cộng	<u>48.388.873.403</u>	<u>3.847.756.570</u>

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015 (Trình bày lại)</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 1 năm	102.000.000.000	102.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<i>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước môi trường Bình Dương	2.097.764.046	1.334.331.456
Cộng	<u>2.097.764.046</u>	<u>1.334.331.456</u>

Công ty dùng quyền thu tiền nước phát sinh từ hợp đồng mua bán nước sạch với Công ty TNHH MTV cấp thoát nước - MT Bình Dương để thế chấp cho các khoản vay chi tiết tại thuyết minh số 20 – Vay và nợ thuê tài chính.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	25.945.025.237	-
- Đối tượng khác	-	21.797.400
Cộng	<u>25.945.025.237</u>	<u>21.797.400</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
- Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước môi trường Bình Dương - Bên liên quan	-	80.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B (i)	<u>5.000.000.000</u>	-
Cộng	<u>5.000.000.000</u>	<u>80.000.000.000</u>

- (i) Khoản cho Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B vay theo hợp đồng số 02/HĐKT-2015, thời hạn vay là một tháng với lãi suất cho vay là 0.8%/tháng. Bên vay thế chấp một phần giá trị vốn góp cổ phần và cổ tức được hưởng từ Công ty.

10. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Ngắn hạn	<u>9.414.665.393</u>	<u>3.893.267.693</u>
- Ban Quản lý dự án CN Nam Thủ Dầu Một	4.683.169.894	1.801.471.493
- Phải thu lãi cho vay	120.000.000	-
- Tạm ứng cho nhân viên	4.411.495.499	91.796.200
- Phải thu bà Dương Anh Thu	200.000.000	-
- Phải thu khác	-	2.000.000.000

11. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	Giá gốc VND	Giá gốc VND
Nguyên liệu, vật liệu	52.705.050.783	160.617.417
Công cụ, dụng cụ	196.238.000	-
Cộng	<u>52.901.288.783</u>	<u>160.617.417</u>

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	<u>58.357.701</u>	<u>44.925.766</u>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	58.357.701	44.925.766
b) Dài hạn	<u>2.315.661.623</u>	<u>81.287.101</u>
Giá trị lợi thế vị trí địa lý các khu đất	164.525.832	-
Chi phí san lấp mặt bằng dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một (i)	1.987.700.224	81.287.101
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	163.435.567	-

- (i) Chi phí san lấp mặt bằng dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một là khoản tiền chi ra để phục vụ cho việc san lấp, cải tạo mặt bằng để thực hiện dự án Cấp nước Nam Thủ Dầu Một giai đoạn 2 nâng công suất 100.000 m³/ngày đêm

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘTSố 07, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi,
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	220.300.764.071	65.163.904.867	94.603.513.454	90.000.000	380.158.182.392
- Mua trong năm	1.935.699.878	4.088.621.263	1.389.536.363	-	7.413.857.504
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	106.204.844.135	-	-	106.204.844.135
- Giảm khác (phân loại sang TSCĐ vô hình)	-	(587.029.818)	-	-	(587.029.818)
Tại ngày 31/12/2015	222.236.463.949	174.870.340.447	95.993.049.817	90.000.000	493.189.854.213
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	1.331.781.932	500.846.136	544.916.385	16.169.355	2.393.713.808
- Khấu hao trong năm	11.154.050.112	5.566.133.128	4.935.579.336	15.000.000	21.670.762.576
- Giảm khác (phân loại sang TSCĐ vô hình)	-	(2.407.931)	-	-	(2.407.931)
Tại ngày 31/12/2015	12.485.832.044	6.064.571.333	5.480.495.721	31.169.355	24.062.068.453
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2015	218.968.982.139	64.663.058.731	94.058.597.069	73.830.645	377.764.468.584
Tại ngày 31/12/2015	209.750.631.905	168.805.769.114	90.512.554.096	58.830.645	469.127.785.760

Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị để thế chấp cho các khoản vay Ngân hàng (xem thuyết minh số 20).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	-	70.000.000	70.000.000
- Mua trong năm	9.355.595.912	35.000.000	9.390.595.912
- Tăng khác (chuyển từ TSCĐ hữu hình sang)	-	587.029.818	587.029.818
Tại ngày 31/12/2015	9.355.595.912	692.029.818	10.047.625.730
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	-	18.427.948	18.427.948
- Khấu hao trong năm	77.963.300	54.317.141	132.280.441
- Tăng khác (chuyển từ TSCĐ hữu hình sang)	-	2.407.931	2.407.931
Tại ngày 31/12/2015	77.963.300	75.153.020	153.116.320
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2015	-	51.572.052	51.572.052
Tại ngày 31/12/2015	9.277.632.612	616.876.798	9.894.509.410

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘTSố 07, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi,
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Tình hình biến động chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang trong năm:

	<u>31/12/2015</u>
	VND
Tại 01/01/2015	161.611
Tăng trong năm	106.204.844.135
Kết chuyển tài sản cố định trong năm	(106.204.844.135)
Tại 31/12/2015	161.611

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
	VND	VND	VND	VND
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>				
- Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai (i)	119.961.000.000	119.961.000.000	144.300.000.000	144.300.000.000
- Công ty Cổ phần tư vấn cấp thoát nước - Môi trường (ii)	5.480.000.000	5.480.000.000	-	-
Cộng	125.441.000.000	125.441.000.000	144.300.000.000	144.300.000.000

(i) Khoản đầu tư mua 9.350.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tương đương 119.961.000.000 đồng chiếm 9.35% vốn điều lệ. Hiện tại, Công ty đã dùng 4.000.000 cổ phiếu nắm giữ của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai để thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – CN Bình Dương theo biên bản định giá tài sản ngày 11/09/2015.(xem thuyết minh 20). Trong năm công ty có thực hiện các giao dịch liên quan đến cổ phiếu Công ty CP Cấp nước Đồng Nai như sau:

- Chuyển nhượng 7.500.000 cổ phiếu chiến lược với giá bán là 11.200 đồng/cổ phiếu tương đương tổng giá trị là 84 tỷ đồng (giá chuyển nhượng bằng giá gốc của số cổ phiếu chuyển nhượng), đồng thời mua lại 5.000.000 cổ phiếu phổ thông với giá mua 13.500 đồng/cổ phiếu, tương ứng tổng giá trị 67.500.000 đồng từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương.
- Chuyển nhượng 650.000 cổ phiếu thường với giá bán là 11.800 đồng tương đương tổng giá trị chuyển nhượng là 7,67 tỷ đồng (giá gốc của số cổ phiếu chuyển nhượng là 7,839 tỷ đồng) cho Công ty Cổ phần Tân Thanh.

(ii) Theo biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư về việc mua cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát Nước – Môi trường ngày 9/4/2015, Công ty đồng ý giao cho bà Dương Anh Thư đứng tên đăng ký đầu giá mua 200.000 cổ phiếu phổ thông (tương đương 25% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước – Môi trường, với giá mua là 27.400 đồng/cổ phiếu. Tại ngày 31/12/2015, số cổ phiếu phổ thông trên vẫn chưa chuyển sang tên của Công ty.

Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát Nước – Môi trường được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41031005823 ngày 28/12/2006 với mức vốn điều lệ là 8 tỷ đồng (tương đương 800.000 cổ phiếu). Hoạt động chủ yếu của công ty là tư vấn xây dựng các công trình thuộc lĩnh vực cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn, không khí ô nhiễm, công trình công cộng đô thị, công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, cụm dân cư. Kết quả kinh doanh năm 2015 của Công ty cổ phần Tư vấn và Cấp thoát Nước – Môi trường là có lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘTSố 07, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi,
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp trong		Số đã nộp trong	
	01/01/2015	năm	năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	10.755.540	268.055.695	(242.097.818)	36.713.417
Thuế tài nguyên	32.916.980	412.499.920	(396.417.100)	48.999.800
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí	-	788.078.280	-	788.078.280
Cộng	43.672.520	1.471.633.895	(641.514.918)	873.791.497

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	VND
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí lãi vay	301.844.468	33.505.375,00
Phải trả Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 (i)	47.122.898.897	-
Phải trả Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường (i)	982.373.636	-
Cộng	48.407.117.001	33.505.375

(i) Khoản trích trước chi phí phải trả là khoản công nợ phải trả của dự án: Gói thầu Xây dựng và cung cấp thiết bị nhà máy xử lý cấp nước Nam Thủ Dầu Một giai đoạn 2 nâng công suất lên 100.000 m³/ngày đêm. Công trình đã bàn giao và nghiệm thu đưa vào sử dụng trong năm 2015, tuy nhiên đến thời điểm 31/12/2015 nhà cung cấp vẫn chưa xuất hóa đơn và chưa quyết toán chính thức giá trị Công trình. Công ty tạm ghi nhận giá trị tài sản tương ứng với công nợ phải trả căn cứ giá trị trong hợp đồng đã ký.

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	30.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước môi trường Bình Dương	7.787.021.631	-
Công ty TNHH Sản xuất thương mại Quỳnh Phúc	6.589.018.303	-
Công ty TNHH Thương mại NTP	4.492.512.479	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ kỹ thuật D&B	4.492.512.479	-
Cổ đông khác	6.638.935.108	-
Khoản mượn công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương - Bên liên quan	-	15.755.000.000
Khoản phải trả đối tượng khác	-	8.237.745
Bảo hiểm xã hội	-	7.022.340
Bảo hiểm y tế	-	1.215.405
Cộng	30.000.000.000	15.763.237.745

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘTSố 07, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi,
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Số có khả năng trả		Giảm	Tăng	Số có khả năng trả	
	Giá trị	nợ			Giá trị	nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	117.001.000.000	117.001.000.000	(155.000.000.000)	172.001.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Vay ngắn hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Dương (i)	55.000.000.000	55.000.000.000	(100.000.000.000)	55.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Vay ngắn hạn BIDV CN Bình Dương	-	-	(55.000.000.000)	55.000.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	62.001.000.000	62.001.000.000	-	62.001.000.000	-	-
b) Vay dài hạn	356.858.231.087	356.858.231.087	(175.776.000.000)	241.901.674.378	290.732.556.709	290.732.556.709
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Bình Dương (ii)	99.080.731.087	99.080.731.087	(29.953.500.000)	6.901.674.378	122.132.556.709	122.132.556.709
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Dương (iii)	162.277.500.000	162.277.500.000	(6.322.500.000)	-	168.600.000.000	168.600.000.000
Quỹ đầu tư phát triển Bình Dương (iv)	95.500.000.000	95.500.000.000	(139.500.000.000)	235.000.000.000	-	-

(i) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng số 04/2015/HĐTĐ-NH ngày 21/10/2015 với Quỹ đầu tư phát triển Bình Dương để thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2015 (giải ngân hoàn vốn theo công văn số 123/CPNTDM ngày 12/10/2015 của Công ty CP nước Thủ Dầu Một). Nợ gốc vay tại thời điểm 31/12/2015 là 55.000.000.000 đồng, thời hạn trả nợ gốc là 11 tháng với lãi suất nợ trong hạn tại thời điểm 31/12/2015 là 6%. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền thu tiền nước của Công ty tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước - Môi trường Bình Dương theo Công văn số 122/CPNTDM ngày 12/10/2015 về cam kết thực hiện đảm bảo tiền vay.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Bình Dương bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 14280090/ 2014-HĐTĐĐA/NHCT640 ký ngày 24/09/2014 nhằm mục đích thanh toán chi phí đầu tư dự án: Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng - Trạm bơm nước thô và nhà máy xử lý công suất 45000 m³/ngày đêm. Gốc vay được thanh toán thành 22 kỳ liên tiếp trên cơ sở kỳ hạn 03 tháng một lần, với lãi suất được áp dụng tại thời điểm 31/12/2015 là 7%, lần thanh toán đầu tiên vào ngày 25/03/2016. Công ty dùng tài sản hình thành từ vốn vay làm tài sản đảm bảo. Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2015 là 74.764.231.087 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 14290116/2014-HĐTĐĐA/NHCT640 ký ngày 27/11/2014 nhằm mục đích mua cổ phiếu của công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai. Nợ gốc vay được thanh toán mỗi 03 tháng một lần, với lãi suất được áp dụng tại thời điểm 31/12/2015 là 7.9%/năm. Công ty dùng 4.000.000 cổ phiếu nắm giữ của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai làm tài sản đảm bảo theo hợp đồng cầm cố HDCC ngày 15/9/2015. Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2015 là 45.495.000.000 đồng.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Bình Dương là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 024D14 ký ngày 27/10/2014 với Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Dương nhằm mục đích đầu tư dự án "Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng - trạm bơm nước thô và nhà máy xử lý công suất 45.000 m³/ngày đêm". Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2015 là 168.600.000.000 đồng. Gốc vay được thanh toán thành 21 kỳ liên tiếp, 3 tháng/1 kỳ, với lãi suất tại thời điểm 31/12/2015 là 6.95%, lần thanh toán đầu tiên là 28/10/2016. Công ty đã dùng tài sản hình thành từ vốn vay làm tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘTSố 07, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi,
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(iv) Khoản vay Quỹ đầu tư phát triển Bình Dương bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 11/2015/HĐTĐ-TDĐ ký ngày 16/12/2015 nhằm mục đích đầu tư xây dựng nhà máy cấp nước và mua sắm máy móc thiết bị giai đoạn II. Gốc vay được thanh toán trong thời hạn 84 tháng, trả theo quý (tháng đầu của quý), bắt đầu từ quý 1/2016 (tháng 1/2016), chấm dứt kỳ hạn nợ quý 4/2022 (tháng 11/2022) với lãi suất trong hạn là 7%. Công ty dùng tài sản hình thành từ vốn vay và quyền thu tiền nước của Công ty CP nước Thủ Dầu Một tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước - Môi trường Bình Dương làm tài sản đảm bảo. Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2015 là 35.000.000.000 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 02/2015/HĐTĐ-TDĐ ký ngày 22/04/2015 nhằm mục đích đầu tư nhà máy cấp nước và mua sắm máy móc thiết bị tại nhà máy nước Nam Thủ Dầu Một. Gốc vay được thanh toán trong thời hạn 06 năm, trả theo quý (tháng cuối của quý) - bắt đầu từ quý 4/2015 (tháng 12/2015), chấm dứt kỳ hạn nợ quý 03/2021 (tháng 09/2021) với lãi suất trong hạn là 8.29%. Công ty dùng tài sản hình thành từ vốn vay làm tài sản đảm bảo. Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2015 là 95.000.000.000 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	62.001.000.000	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	302.449.000.000	193.721.376.689
Sau năm năm	54.409.231.087	97.011.180.020
	<u>418.859.231.087</u>	<u>290.732.556.709</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (Được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	62.001.000.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	<u><u>356.858.231.087</u></u>	<u><u>290.732.556.709</u></u>

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 07/11/2013	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm	226.282.500.000	-	-	226.282.500.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	11.383.061.836	11.383.061.836
Trích quỹ trong năm	-	1.495.700.786	(2.991.401.572)	(1.495.700.786)
Số dư tại 31/12/2014	<u>226.282.500.000</u>	<u>1.495.700.786</u>	<u>8.391.660.264</u>	<u>236.169.861.050</u>
Tăng vốn trong năm (i)	74.217.500.000	-	-	74.217.500.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	35.384.875.582	35.384.875.582
Trích quỹ trong năm (ii)	-	1.492.539.268	(5.384.875.582)	(3.892.336.314)
Chia cổ tức (ii)	-	-	(37.200.000.000)	(37.200.000.000)
Số dư tại 31/12/2015	<u><u>300.500.000.000</u></u>	<u><u>2.988.240.054</u></u>	<u><u>1.191.660.264</u></u>	<u><u>304.679.900.318</u></u>

- (i) Tăng vốn trong năm là phần tăng vốn cho phát hành cổ phiếu đợt 1 và đợt 2 cho các cổ đông hiện hữu.
- (ii) Công ty thực hiện tạm phân phối lợi nhuận gồm:
- Tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2014 với số tiền là 7,2 tỷ VND theo biên bản họp hội đồng quản trị số 01/BB – HĐQT ngày 19/01/2015.
 - Phân phối lợi nhuận năm 2015 với số tiền 35.384.875.582 VND theo biên bản họp của Hội đồng Quản trị ngày 31/12/2015, cụ thể:
 - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 3.892.336.314 VND (tương đương 11% lợi nhuận sau thuế).
 - Trích quỹ đầu tư phát triển: 1.492.539.268 VND (tương đương 4.2% lợi nhuận sau thuế).
 - Tạm ứng cổ tức cho cổ đông: 30.000.000.000 (tương đương 10% vốn điều lệ của 300 tỷ)
- Việc phân phối lợi nhuận nêu trên sẽ chính thức được Đại hội đồng cổ đông năm 2016 thông qua trong thời gian tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.050.000	22.628.250
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.050.000	22.628.250
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.050.000	22.628.250
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.050.000	22.628.250
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 11/09/2015, vốn điều lệ của Công ty là 360.000.000.000 VND, vốn góp thực tế của các cổ đông đến ngày 31/12/2015 như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2015		
	Số CP	VND	%
Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước môi trường Bình Dương	7.800.000	78.000.000.000	26%
Công ty TNHH Sản xuất thương mại Quỳnh Phúc	6.600.000	66.000.000.000	22%
Công ty TNHH Thương mại NTP	4.500.000	45.000.000.000	15%
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ kỹ thuật D&B	4.500.000	45.000.000.000	15%
Cổ đông khác	6.650.000	66.500.000.000	22%
Cộng	30.050.000	300.500.000.000	100%

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước sạch cho Bên liên quan - Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương	101.919.224.527	19.295.647.173
Cộng	101.919.224.527	19.295.647.173

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	37.431.861.170	3.963.172.778
Cộng	37.431.861.170	3.963.172.778

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.656.254.230	407.402.089
Chi phí nhân công	3.945.857.369	1.537.740.440
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.803.043.017	2.412.141.756
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.923.434.831	584.996.947
Chi phí khác bằng tiền	2.493.516.943	754.325.057
Cộng	39.822.106.390	5.696.606.289

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.903.527.920	1.790.936.906
Cổ tức, lợi nhuận được chia	200.000.000	-
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Cấp nước Hồ Cầu Mới	150.000.000	-
Cộng	<u>5.253.527.920</u>	<u>1.790.936.906</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	30.393.401.963	3.986.915.954
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.415.530.875	-
Lỗ từ chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	169.000.000	-
Chi phí tài chính khác	-	20.000.000
Cộng	<u>31.977.932.838</u>	<u>4.006.915.954</u>

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	1.091.721.944	898.901.915
Chi phí đồ dùng văn phòng	109.591.940	232.556.571
Chi phí khấu hao TSCĐ	281.979.628	136.011.533
Thuế, phí và lệ phí	73.105.685	27.926.945
Chi phí dịch vụ mua ngoài	766.929.063	391.224.240
Các khoản chi phí QLDN khác	66.916.960	46.812.307
Cộng	<u>2.390.245.220</u>	<u>1.733.433.511</u>

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động, đồng thời Công ty đang trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (miễn thuế trong 4 năm, và giảm 50% trong 05 năm tiếp kể từ khi có thu nhập chịu thuế) theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 28/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ cho dự án thuộc hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường theo Quy định của Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 20/5/2008 của Chính phủ.

Thu nhập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 là kỳ miễn thuế thu nhập doanh nghiệp thứ hai của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘTSố 07, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi,
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.384.875.582	11.383.061.836
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.892.336.314)	(1.495.700.786)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	31.492.539.268	9.887.361.050
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.189.224	12.644.932
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.158	782

Quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay được tạm trích theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị Công ty ngày 31/12/2015.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Các khoản vay	473.859.231.087	390.732.556.709
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(48.388.873.403)	(3.847.756.570)
Nợ thuần	425.470.357.684	386.884.800.139
Vốn chủ sở hữu	304.679.900.318	236.169.861.050
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,40	1,64

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.388.873.403	3.847.756.570
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.100.933.940	5.135.802.949
Phải thu cho vay ngắn hạn	5.000.000.000	80.000.000.000
Đầu tư tài chính	227.441.000.000	147.300.000.000
Tổng cộng	287.930.807.343	236.283.559.519
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	473.859.231.087	390.732.556.709
Phải trả người bán và phải trả khác	30.374.507.700	23.205.656.538
Chi phí phải trả	48.407.117.001	33.505.375
Tổng cộng	552.640.855.788	413.971.718.622

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty không có các khoản đầu tư cổ phiếu cho mục đích thương mại, theo đó Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu là từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương – Cổ đông Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tại 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.388.873.403	-	-	48.388.873.403
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.100.933.940	-	-	7.100.933.940
Phải thu cho vay ngắn hạn	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Đầu tư tài chính	102.000.000.000	-	125.441.000.000	227.441.000.000
Tổng cộng	162.489.807.343	-	125.441.000.000	287.930.807.343
Tại 31/12/2015				
Các khoản vay	117.001.000.000	302.449.000.000	54.409.231.087	473.859.231.087
Phải trả người bán và phải trả khác	30.374.507.700	-	-	30.374.507.700
Chi phí phải trả	48.407.117.001	-	-	48.407.117.001
Tổng cộng	195.782.624.701	302.449.000.000	54.409.231.087	552.640.855.788
Chênh lệch thanh khoản thuần	(33.292.817.358)	(302.449.000.000)	71.031.768.913	(264.710.048.445)
Tại 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.847.756.570	-	-	3.847.756.570
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.135.802.949	-	-	5.135.802.949
Phải thu cho vay ngắn hạn	80.000.000.000	-	-	80.000.000.000
Đầu tư tài chính	3.000.000.000	-	144.300.000.000	147.300.000.000
Tổng cộng	91.983.559.519	-	144.300.000.000	236.283.559.519
Tại 01/01/2015				
Các khoản vay	100.000.000.000	193.721.376.689	97.011.180.020	390.732.556.709
Phải trả người bán và phải trả khác	23.205.656.538	-	-	23.205.656.538
Chi phí phải trả	33.505.375	-	-	33.505.375
Tổng cộng	123.239.161.913	193.721.376.689	97.011.180.020	413.971.718.622
Chênh lệch thanh khoản thuần	(31.255.602.394)	(193.721.376.689)	47.288.819.980	(177.688.159.103)

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, tuy nhiên Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Cấp thoát Nước Môi trường Bình Dương	Cổ đông
Công ty TNHH sản xuất Thương mại Quỳnh Phúc	Cổ đông
Công ty Cổ phần Tân Thanh	Có cùng thành viên HĐQT
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

Ngoài các số dư và các giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày trong các thuyết minh số 7; 9; 18; 19, 22, trong năm, Công ty còn có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2014</u> <u>VND</u>
Công ty TNHH MTV Cấp thoát Nước Môi trường Bình Dương		
Nhận tiền góp vốn	15.600.000.000	62.400.000.000
Cho vay	-	80.000.000.000
Thu tiền cho vay	80.000.000.000	-
Mượn tiền	-	19.200.000.000
Trả tiền mượn	15.755.000.000	3.445.000.000
Chuyển tiền mua cổ phiếu Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	67.500.000.000	84.000.000.000
Thu tiền từ chuyển nhượng cổ phiếu Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	84.000.000.000	-
Chia cổ tức năm 2014 bằng tiền	1.872.000.000	-
Lãi cho vay	1.200.000.001	-
Công ty Cổ phần Tân Thanh		
Chuyển tiền mua cổ phiếu Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	-	13.100.000.000
Thu tiền từ chuyển nhượng cổ phiếu Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	7.670.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quỳnh Phúc		
Nhận tiền góp vốn	26.400.000.000	36.000.000.000
Chia cổ tức năm 2014 bằng tiền	1.584.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DU' VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thù lao của HĐQT và tổng giám đốc	1.236.000.000	1.236.000.000

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 48.105.272.533 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán, một số số liệu so sánh đã được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm tài chính 2015, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	01/01/2015	01/01/2015	Chênh lệch
		Đã kiểm toán	Trình bày lại	
Đầu tư ngắn hạn		83.000.000.000	-	83.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	80.000.000.000	(80.000.000.000)
Tài sản ngắn hạn khác	155	91.796.200	-	91.796.200
Phải thu ngắn hạn khác	136	3.801.471.493	3.893.267.693	(91.796.200)
Quỹ dự phòng tài chính		575.269.533	-	575.269.533
Quỹ đầu tư phát triển	418	920.431.253	1.495.700.786	(575.269.533)



Trần Thế Hưng
Tổng Giám đốc
Bình Dương, ngày 05 tháng 3 năm 2016

Đinh Thị Thúy Nga
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Bình
Kế toán trưởng